

**CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ B-SMART**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ B-SMART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: B-SMART TECHNOLOGY SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: B-SMART TECHNOLOGY CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108534991

**3. Ngày thành lập:** 04/12/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                              | 6201     |
| 2.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                | 6202     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm | 6209     |
| 4.  | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                          | 6312     |
| 5.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                     | 7730     |
| 6.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                | 8211     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                | 8299     |
| 8.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                            | 4799     |
| 9.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                                 | 6190     |
| 10. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                          | 6311     |
| 11. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Thiết kế, thi công lắp đặt bảng hiệu, bảng quảng cáo, logo, catalogue. Dịch vụ quảng cáo.                                   | 7310     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                              | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4741(Chính) |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 15. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6399        |
| 16. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9511        |
| 17. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                  | 4610        |
| 18. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2610        |
| 19. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2620        |
| 20. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2630        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329        |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7410        |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651        |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                         | 4774        |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 27. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ<br>(trừ hoạt động tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 29. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7320        |
| 30. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8531        |
| 31. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8532        |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                       | 8230        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế cơ - điện công trình;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.<br>- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; giám sát công tác hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy; tư vấn chuyên giao công nghệ về phòng cháy chữa cháy, tư vấn thẩm định về phòng cháy chữa cháy. | 7110 |
| 34. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN XUÂN BÌNH | Thôn Thông, Xã Thanh Tâm, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                    | 40.000.000            | 40,000    | 168328830                                                                                                                                         |         |
| 2   | DƯƠNG HỮU HẢI    | Xóm Thi Đua, Xã Xuân Phương, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam              | 60.000.000            | 60,000    | 091810865                                                                                                                                         |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 168328830

Ngày cấp: 21/07/2007

Nơi cấp: Công an Tỉnh Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thông, Xã Thanh Tâm, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Nhuế, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội